

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
Khảo sát, thiết kế, lập dự toán sửa chữa, cải tạo
hệ thống xử lý nước thải năm 2026
(Số: 04/HĐKT-TVTK-TTTN)

CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu và các luật có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-TTTN ngày 31/7/2026 của Giám đốc Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải về việc phê duyệt Đề cương và nhiệm vụ tư vấn;
- Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-TTTN ngày 07/8/2026 của Giám đốc Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải về việc phê duyệt dự toán, giá gói thầu và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng số 02/BB-TLCT ngày 07/8/2026 giữa Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải và Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật An Bình;
- Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTTN ngày 07/8/2026 của Giám đốc Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Hôm nay, ngày 08 tháng 8 năm 2026, tại Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải, chúng tôi gồm:

BÊN A - CHỦ ĐẦU TƯ:

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
- Mã số thuế: 2400426438
- Địa chỉ: Tổ dân phố Văn Sơn, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh
- Tài khoản: 9527.2.1094081 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VI
- Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Tùng
- Chức vụ: Giám đốc

BÊN B - NHÀ THẦU:

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KỸ THUẬT AN BÌNH**
- Mã số thuế: 0110944498
- Địa chỉ: Số 7 ngõ 3 phố Dương Lâm, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Tài khoản: 8602588999 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội
- Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài
- Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng tư vấn với các điều khoản sau:

Điều 1. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng gồm Hợp đồng này và các tài liệu sau, là bộ phận không tách rời của Hợp đồng:

- Các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được ký hợp pháp (nếu có);
- Quyết định số 82/QĐ-TTTN ngày 07/8/2026 về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng số 02/BB-TLCT ngày 07/8/2026;
- Quyết định số 71/QĐ-TTTN và Đề cương, nhiệm vụ tư vấn được phê duyệt;
- Quyết định số 81/QĐ-TTTN về dự toán, giá gói thầu và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Hồ sơ bổ sung, làm rõ của Bên B và các tài liệu được Bên A chấp thuận bằng văn bản trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- Tiến độ chi tiết, danh sách nhân sự được chấp thuận, biên bản khởi động/bản giao và các phụ lục hợp đồng (nếu có).

2. Trường hợp các tài liệu có nội dung khác nhau, thứ tự ưu tiên áp dụng theo danh mục tại khoản 1 Điều này, trừ khi văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn hoặc văn bản sửa đổi hợp pháp quy định khác. Không tài liệu nào được hiểu là cho phép tăng giá, mở rộng phạm vi hoặc làm giảm trách nhiệm của Bên B trái với kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.

Điều 2. Phạm vi và nội dung công việc

1. Bên B thực hiện đầy đủ nhiệm vụ tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán sửa chữa, cải tạo hệ thống xử lý nước thải năm 2026 theo Quyết định số 71/QĐ-TTTN, bao gồm 05 nhóm công việc chủ yếu:

- Thu thập, rà soát, hệ thống hóa hồ sơ đầu vào; xác định dữ liệu còn thiếu và đề xuất phương án xử lý;
- Lập kế hoạch và thực hiện khảo sát, kiểm tra, đo kiểm cần thiết; đánh giá hiện trạng tại Nhà máy XLNT thành phố Bắc Giang, Trạm XLNT KDC Chợ Cốc,

Trạm XLNT khu vực tỉnh lộ 299, Trạm bơm tăng áp số 2, Trạm bơm tăng áp Bách Việt và các hạng mục liên quan thuộc phạm vi được phê duyệt;

- Phân tích nguyên nhân hư hỏng; đánh giá khả năng tiếp tục khai thác; đề xuất giải pháp sửa chữa, cải tạo; lập hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;

- Bóc tách khối lượng, lập dự toán, thuyết minh căn cứ giá; bảo đảm yêu cầu kỹ thuật trung tính, không định hướng nhãn hiệu, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp trái quy định;

- Bàn giao sản phẩm; tham gia giải trình, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu hợp pháp của Bên A và cơ quan/người có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ.

2. Danh mục và khối lượng nêu trong hồ sơ Bên B trước khi ký Hợp đồng là dữ liệu đầu vào, chỉ được sử dụng trong phạm vi phù hợp với nhiệm vụ được duyệt. Bên B không được tự ý mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi làm phát sinh chi phí. Công việc ngoài phạm vi chỉ được thực hiện sau khi có chấp thuận bằng văn bản đúng thẩm quyền của Bên A và hoàn tất thủ tục theo quy định pháp luật.

Điều 3. Yêu cầu chất lượng và sản phẩm bàn giao

- Số liệu khảo sát phải trung thực, có căn cứ và khả năng truy xuất; giải pháp phải an toàn, khả thi, tiết kiệm, phù hợp công nghệ hiện hữu và điều kiện vận hành liên tục của công trình.

- Thuyết minh, bản vẽ, chỉ dẫn kỹ thuật, bảng khối lượng và dự toán phải thống nhất, không trùng lặp, bỏ sót hoặc đưa hạng mục ngoài phạm vi.

- Sản phẩm tối thiểu gồm các tài liệu quy định tại Đề cương, nhiệm vụ tư vấn; bàn giao tối thiểu 06 bộ hồ sơ giấy sau hoàn thiện, 01 bộ PDF ký/scan và toàn bộ tệp gốc chỉnh sửa được (Word, Excel, CAD hoặc định dạng tương đương).

- Bên B tự tổ chức kiểm tra chất lượng và phối hợp liên bộ môn trước khi trình. Việc Bên A nhận tài liệu, góp ý, sử dụng hồ sơ để thẩm định hoặc cho phép chuyển bước không mặc nhiên được hiểu là nghiệm thu.

- Sai sót thuộc trách nhiệm Bên B phải được sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện không làm phát sinh thêm chi phí cho Bên A.

Điều 4. Nhân sự thực hiện

1. Nhân sự chủ chốt:

TT	Họ và tên	Vị trí
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ nhiệm thiết kế kiêm chủ trì cơ điện
2	Trương Anh Tuấn	Chủ trì công nghệ môi trường
3	Nguyễn Thanh Tùng	Chuyên gia điều khiển - tự động hóa
4	Phạm Trung Hiếu	Chủ trì khảo sát xây dựng
5	Dương Thị Ngọc Bích	Chủ trì lập dự toán

2. Bên B bảo đảm các nhân sự chủ chốt trực tiếp thực hiện đúng vị trí, đủ điều kiện hành nghề theo quy định tại thời điểm đảm nhiệm công việc và trong suốt thời gian thực hiện phần việc tương ứng. Việc thay thế nhân sự chủ chốt chỉ được thực hiện sau khi Bên A chấp thuận bằng văn bản; nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm và điều kiện hành nghề tương đương hoặc cao hơn, không làm tăng giá Hợp đồng và không làm chậm tiến độ do lỗi của Bên B.

Điều 5. Thời gian và tiến độ thực hiện

1. Thời gian thực hiện: không quá 06 tuần. Ngày bắt đầu thực hiện là ngày Hợp đồng đã có hiệu lực và Bên A ban hành văn bản/biên bản khởi động, bàn giao hồ sơ và điều kiện tiếp cận hiện trường cần thiết.

2. Thời gian trên không bao gồm thời gian cơ quan/người có thẩm quyền xem xét, thẩm định, phê duyệt và thời gian Bên B chỉnh sửa theo yêu cầu thẩm định; tuy nhiên Bên B phải bố trí nhân sự kịp thời để giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày khởi động, Bên B trình Bên A tiến độ chi tiết. Mọi đề nghị gia hạn phải được thông báo bằng văn bản ngay khi phát sinh nguyên nhân, kèm chứng cứ và biện pháp khắc phục; chỉ có giá trị sau khi Bên A chấp thuận bằng văn bản đúng thẩm quyền.

Điều 6. Giá Hợp đồng và loại Hợp đồng

1. Loại Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2. Giá Hợp đồng: 125.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Giá này đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí, chi phí chuyên gia, quản lý, khảo sát, đi lại, lưu trú, thiết bị/dụng cụ đo kiểm thuộc trách nhiệm Bên B, in ấn, bàn giao, bảo hiểm bắt buộc (nếu thuộc đối tượng), chỉnh sửa, giải trình và các chi phí cần thiết khác để hoàn thành toàn bộ phạm vi Hợp đồng.

3. Đối với phần công việc thuộc phạm vi Hợp đồng trọn gói, Bên B tự chịu rủi ro về chi phí do sai sót, thiếu sót trong tính toán hoặc tổ chức thực hiện của mình. Giá Hợp đồng chỉ được xem xét điều chỉnh trong trường hợp pháp luật cho phép, đúng thẩm quyền và phải được lập thành văn bản trước khi thực hiện nội dung điều chỉnh.

4. Giá trị 125.000.000 đồng là giá Hợp đồng trọn gói tương ứng với phạm vi, nội dung công việc và sản phẩm đã được phê duyệt, thương thảo và giao kết. Giá trị dự toán sửa chữa, cải tạo hoặc giá trị thiết kế - dự toán được cơ quan/người có thẩm quyền phê duyệt sau này tăng hoặc giảm không phải là căn cứ tự động làm tăng hoặc giảm giá Hợp đồng nếu phạm vi, nội dung công việc và sản phẩm tư vấn Bên B phải thực hiện theo Hợp đồng không thay đổi.

5. Trường hợp trong quá trình thực hiện, cơ quan/người có thẩm quyền quyết định cắt giảm, hủy bỏ hoặc thay đổi phạm vi, hạng mục, sản phẩm tư vấn làm giảm phần công việc Bên B thực tế phải thực hiện; hoặc khi nghiệm thu, quyết toán xác định có phần công việc không thực hiện, không được nghiệm thu, không đủ điều kiện thanh toán hoặc thuộc trách nhiệm phải giảm trừ theo quy định, giá trị thanh toán và quyết toán phải giảm tương ứng. Việc xác định giá trị giảm trừ phải có căn cứ, được lập thành biên bản/văn bản và thực hiện đúng thẩm quyền, quy định pháp luật; không được lợi dụng việc giảm trừ để làm thay đổi trái pháp luật bản chất Hợp đồng trọn gói.

6. Trường hợp giá trị thiết kế - dự toán được phê duyệt cao hơn nhưng phạm vi Hợp đồng không thay đổi, Bên B không được yêu cầu tăng giá Hợp đồng. Trường hợp phát sinh thay đổi phạm vi công việc hợp pháp, việc xem xét sửa đổi Hợp đồng chỉ được thực hiện theo Điều 14 Hợp đồng này và quy định pháp luật, sau khi hoàn thành đầy đủ thủ tục, phê duyệt theo thẩm quyền trước khi thực hiện phần công việc thay đổi.

Điều 7. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán

1. Tạm ứng: Hai bên thống nhất không thực hiện tạm ứng. Việc không tạm ứng là thỏa thuận của các bên đối với hợp đồng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và không làm thay đổi trách nhiệm, tiến độ, chất lượng hoặc các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp đồng.

2. Nghiệm thu: Bên A nghiệm thu trên cơ sở mức độ hoàn thành đầy đủ phạm vi, chất lượng và thành phần sản phẩm của Hợp đồng; đối với Hợp đồng trọn gói không yêu cầu xác nhận chi tiết từng khối lượng nhỏ nếu sản phẩm đã hoàn thành đúng phạm vi và yêu cầu.

3. Thanh toán: Bên A thanh toán một lần sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc, sản phẩm được nghiệm thu, bàn giao đầy đủ hồ sơ giấy và tệp gốc, hoàn thành các nghĩa vụ chỉnh sửa thuộc trách nhiệm và cung cấp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Giá trị thanh toán là giá trị Hợp đồng sau khi thực hiện các khoản giảm trừ hợp pháp (nếu có) theo Hợp đồng và pháp luật, nhưng không vượt quá 125.000.000 đồng. Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam, thực hiện bằng chuyển khoản. Thời hạn thanh toán tối đa 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước hoặc quy định có tính bắt buộc áp dụng cho nguồn kinh phí của Hợp đồng quy định khác.

4. Hồ sơ thanh toán tối thiểu gồm: văn bản đề nghị thanh toán; biên bản nghiệm thu hoàn thành; biên bản bàn giao sản phẩm; hóa đơn hợp pháp; bảng xác định giá trị đề nghị thanh toán/quyết toán và các tài liệu khác theo quy định tài chính, Kho bạc Nhà nước và thỏa thuận Hợp đồng.

5. Bên A có quyền chưa thực hiện thanh toán cho đến khi Bên B khắc phục xong phần sản phẩm không đạt, hồ sơ chưa đầy đủ hoặc nghĩa vụ đến hạn chưa hoàn thành. Việc chưa thanh toán trong trường hợp này không được coi là chậm thanh toán do lỗi của Bên A.

6. Việc nghiệm thu hoàn thành không đồng nghĩa mặc nhiên thanh toán đủ giá Hợp đồng nếu có căn cứ hợp pháp để giảm trừ theo khoản 5 Điều 6 Hợp đồng này. Bên A chỉ thanh toán đối với sản phẩm, nghĩa vụ đã được nghiệm thu và đủ điều kiện thanh toán; mọi khoản giảm trừ phải được thể hiện trong hồ sơ thanh toán, quyết toán và có căn cứ kiểm tra, đối chiếu.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Cung cấp trong phạm vi quản lý các hồ sơ, dữ liệu và điều kiện tiếp cận hiện trường cần thiết; chỉ định đầu mối phối hợp và thông báo các yêu cầu an toàn, vận hành.

- Kiểm tra tiến độ, chất lượng, nhân sự và việc tuân thủ Hợp đồng; yêu cầu Bên B giải trình, sửa chữa, bổ sung hoặc thay thế nhân sự không đáp ứng.

- Từ chối nghiệm thu, thanh toán đối với sản phẩm không đạt, ngoài phạm vi hoặc không có căn cứ; yêu cầu tạm dừng công việc khi có nguy cơ mất an toàn, vi phạm pháp luật hoặc ảnh hưởng vận hành.

- Tổ chức nghiệm thu và thanh toán khi Bên B hoàn thành đúng Hợp đồng; phối hợp giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm Bên A.

- Được quyền sử dụng sản phẩm tư vấn theo Điều 11 của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Thực hiện độc lập, khách quan, đúng chuyên môn, đúng tiến độ; bố trí đủ nhân sự, phương tiện và điều kiện an toàn để hoàn thành Hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên A về tính trung thực của hồ sơ năng lực, số liệu khảo sát, giải pháp thiết kế, bóc tách khối lượng và dự toán.
- Không chuyển giao phần công việc chính hoặc sử dụng người khác thay nhân sự chủ chốt khi chưa được Bên A chấp thuận bằng văn bản; việc thuê hỗ trợ (nếu có) không làm giảm trách nhiệm của Bên B.
- Thông báo kịp thời bằng văn bản các tình huống có thể ảnh hưởng an toàn, chất lượng, tiến độ, chi phí, tính độc lập hoặc phát sinh xung đột lợi ích.
- Bảo quản, hoàn trả tài liệu và tài sản của Bên A; không phát ngôn, công bố hoặc cung cấp thông tin về nhiệm vụ cho bên thứ ba khi chưa được phép, trừ trường hợp pháp luật yêu cầu.
- Tham gia giải trình, sửa chữa và hoàn thiện hồ sơ thuộc phạm vi trách nhiệm cho đến khi hồ sơ được cơ quan/người có thẩm quyền chấp thuận, không tính thêm chi phí đối với sai sót hoặc nội dung cần hoàn thiện do trách nhiệm của Bên B.

Điều 10. An toàn, vận hành và bảo vệ môi trường

- Trước khi làm việc tại hiện trường, Bên B phải phổ biến rủi ro, trang bị bảo hộ và tuân thủ quy trình an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và quy trình vận hành của Bên A.
- Bên B không được tự ý tháo dỡ, đấu nối, cô lập nguồn, chạy thử, dừng thiết bị, thay đổi tham số PLC/SCADA, lấy mẫu hoặc thực hiện thao tác có thể ảnh hưởng vận hành khi chưa được Bên A chấp thuận đúng thẩm quyền.
- Đối với công việc có nguy cơ cao, Bên B phải lập biện pháp/phiếu công việc và chỉ thực hiện sau khi được phép. Bên B chịu trách nhiệm về an toàn của nhân sự, dụng cụ, thiết bị và hoạt động do mình tổ chức.
- Chất thải, dầu mỡ, vật tư phát sinh trong quá trình khảo sát phải được quản lý đúng quy định; không xả thải hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của công trình.

Điều 11. Bảo mật, dữ liệu và quyền đối với sản phẩm

1. Thông tin kỹ thuật, vận hành, tài chính, hồ sơ lựa chọn nhà thầu và dữ liệu chưa công khai là thông tin cần bảo mật trong phạm vi pháp luật. Bên B chỉ sử dụng để thực hiện Hợp đồng và không cung cấp cho bên thứ ba nếu chưa được Bên A cho phép, trừ yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.
2. Bên B có trách nhiệm áp dụng biện pháp bảo vệ dữ liệu, giới hạn quyền truy cập cho người thực hiện; hoàn trả hoặc xóa dữ liệu theo yêu cầu hợp pháp của Bên A sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trừ phần phải lưu theo quy định pháp luật.
3. Sau khi Bên A thanh toán đầy đủ, Bên A được quyền quản lý, sử dụng, sao chép, chỉnh sửa, tích hợp các sản phẩm được tạo riêng cho nhiệm vụ này phục vụ quản lý, thẩm định, sửa chữa, thi công và vận hành. Quyền tác giả nhân thân, quyền đối với công cụ và tài liệu có trước của mỗi bên được tôn trọng theo pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 12. Sai sót, vi phạm, bồi thường, tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng

1. Khi phát hiện sai sót thuộc trách nhiệm Bên B, Bên B phải khắc phục trong thời hạn hợp lý do Bên A yêu cầu và tự chịu chi phí. Bên A được tạm dừng nghiệm thu/thanh toán phần liên quan cho đến khi khắc phục xong.

2. Nếu lỗi của Bên B gây thiệt hại trực tiếp, Bên B phải bồi thường theo mức độ lỗi, thiệt hại thực tế, Hợp đồng và quy định pháp luật.

3. Bên A có quyền yêu cầu tạm dừng ngay phần việc không bảo đảm an toàn, chất lượng, đúng nhân sự, vượt phạm vi hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Bên B chỉ được tiếp tục sau khi khắc phục và được Bên A chấp thuận.

4. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định pháp luật nếu Bên B cung cấp thông tin gian dối trọng yếu, vi phạm nghiêm trọng, mất điều kiện hành nghề cần thiết, không huy động nhân sự chủ chốt, không khắc phục vi phạm trong thời hạn được yêu cầu hoặc có hành vi bị cấm trong hoạt động đầu thầu.

5. Khi Hợp đồng chấm dứt, Bên B phải bàn giao ngay hồ sơ, dữ liệu và tài sản của Bên A; Bên A chỉ xem xét thanh toán phần công việc đã được nghiệm thu hợp lệ sau khi khấu trừ nghĩa vụ, thiệt hại hoặc khoản phải hoàn trả theo quy định.

Điều 13. Sự kiện bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng được xác định theo pháp luật. Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia ngay khi có thể, cung cấp chứng cứ hợp lý và áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế thiệt hại.

2. Hai bên xem xét điều chỉnh tiến độ hoặc biện pháp thực hiện trong phạm vi pháp luật và thẩm quyền. Bất khả kháng không miễn trừ nghĩa vụ đã đến hạn trước khi sự kiện xảy ra, trừ khi bản chất nghĩa vụ không thể thực hiện do sự kiện đó.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản, do người có thẩm quyền của hai bên ký; phù hợp với kết quả lựa chọn nhà thầu, hình thức giá Hợp đồng trọn gói, phạm vi công việc, nguồn kinh phí và quy định pháp luật. Nội dung làm thay đổi giá, phạm vi, tiến độ hoặc nghĩa vụ chủ yếu chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn thành thủ tục và được chấp thuận/phê duyệt đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Trao đổi qua email, phiếu giao việc hoặc biên bản làm việc không làm thay đổi giá, phạm vi hoặc trách nhiệm theo Hợp đồng, trừ khi văn bản đó thể hiện rõ nội dung sửa đổi Hợp đồng và được ký/xác nhận đúng thẩm quyền.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp phát sinh được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở hồ sơ Hợp đồng và pháp luật Việt Nam. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các phần công việc không có tranh chấp vẫn tiếp tục thực hiện nếu bảo đảm an toàn và Bên A yêu cầu.

2. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng, một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

Điều 16. Hiệu lực và số bản Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện hợp pháp của hai bên ký và đóng dấu (nếu có), với điều kiện Quyết định số 82/QĐ-TTTN ngày 07/8/2026 đang có hiệu lực. Bên B chỉ được bắt đầu thực hiện công việc sau khi Bên A có văn bản/biên bản khởi động và bàn giao điều kiện tiếp cận hiện trường theo Điều 5.



2. Hợp đồng kết thúc khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trừ các nghĩa vụ về bảo mật, trách nhiệm sai sót, bồi thường và quyền đối với sản phẩm tiếp tục có hiệu lực theo bản chất nghĩa vụ và quy định pháp luật.

3. Hai bên thực hiện quyết toán, thanh lý Hợp đồng sau khi hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định. Thời hạn thanh lý do hai bên thống nhất nhưng không quá 56 ngày kể từ ngày hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc kể từ ngày Hợp đồng bị chấm dứt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác phù hợp pháp luật.

4. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản./.

 ĐẠI DIỆN BÊN A GIAM ĐỐC  Nguyễn Tiên Tùng	 ĐẠI DIỆN BÊN B GIAM ĐỐC  Nguyễn Thị Thu Hoài
--	--